TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2022/HS-ST
Ngày: 25/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chi

Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 268/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn N; Sinh năm 1992 tại tỉnh Y; Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1968 và bà Trần Thị N, sinh năm 1972; Chưa có vợ và con; Tiền án: Bản án số 95/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Toà án nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 10/3/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/3/2009, Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" tại bản án số 11/2009/HSST; Ngày 20/5/2009, Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 26/2009/HSST; Ngày 21/5/2009, Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 27/2009/HSST; Ngày 18/01/2011, Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" tại bản án số

03/2011/HSST; Ngày 31/3/2011, Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phúc thẩm giữ nguyên mức án sơ thẩm tại bản án số 37/2011/HSPT; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2021. (Có mặt)

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A Đường B, khu phố C, phường D, thành phố E. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Hoàng O, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A Đường B, khu phố C, phường D, thành phố E. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số A Đường B, khu phố C, phường D, thành phố E. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Tú B, sinh năm 1986; Địa chỉ: Chung cư R, phường X, thành phố Y. (Vắng mặt)

2. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A đường B, phường C, thành phố D. (Vắng mặt)

3. Bà Võ Thị Phương T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A Đường B, khu phố C, phường D, thành phố E. (Vắng mặt)

4. Ông Võ Thiên B, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số A Đường B, khu phố C, phường D, thành phố E. (Vắng mặt)

5. Ông Lê Phước Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số A, Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E. (Vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt Nsau:

Bùi Văn N có quen biết và làm thuê cho anh Nguyễn Ngọc T. Trong thời gian quen biết anh T, N hay tới nhà anh T chơi nên có quen biết chị Nguyễn Thị Hồng C, (là chị gái của anh T) và vợ anh T là Lê Hoàng O. Đầu tháng 3/2020, lợi dụng sự tin tưởng và quen biết trước đó nên N đã mượn xe của chị Nguyễn Thị Hồng C và chị Lê Hoàng O mang đi cầm cố và sử dụng mạng máy tính thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn L lấy tiền tiêu xài, cụ thể Nsau:

Vụ thứ 1: Ngày 04/3/2020, Bùi Văn NĐnhà anh Nguyễn Ngọc T gặp chị Nguyễn Thị Hồng C ở nhà, N hỏi mượn 01 xe mô tô Honda Honda SH 150i biển số 59M1-208.54 của chị C đi công việc, hứa trả ngay thì được chị C đồng ý. Sau khi mượn được xe, N đã đemĐtiện cầm đồ Thương Tín 3, số 99 Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức do anh Lương Tú B làm chủ, khi cầm anh B hỏi Nvề nguồn gốc xe, N nói xe trên là của bà chị kẹt tiền nhờ đi cầm thì được

anh B đồng ý cầm với giá 110.000.000 đồng. Thấy N mượn xe đi lâu không về trả thì chị C gọi điện yêu cầu N trả xe, N nói xe đang bị hỏng phải đem đi sửa. Sau đó, chị C tiếp tục gọi điện yêu cầu N đem xe về nhưng N không nghe điện thoại.

Vụ thứ 2: Vào ngày 12/3/2020, NĐnhà anh T thì gặp chị Lê Hoàng O ở nhà, N vào nói chuyện thì chị O có hỏi về việc N mượn xe của chị C sao không trả. Lúc này, N hỏi mượn xe mô tô Honda SH 150i biển số 59P1-89964 của chị O đi xem xe của chị C đã sửa xong chưa để đem về trả thì được chị O đồng ý. Sau khi mượn được xe, N đã đemĐtiện cầm đồ Thương Tín 3, số 99 Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức cầm cho anh Hoàng Văn T với giá 100.000.000 đồng. Sau đó N bỏ trốn, không liên lạc được.Đngày 31/5/2020, chị O, chị CĐcông an tố cáo hành vi của N.

Vụ thứ 3: Bùi Văn N có quen biết với anh Nguyễn Văn L. Do anh L biết N có 01 xe mô tô Suzuki biển số 86B8-50300 đang cầm cho Võ Thiên B, Võ Thị Phương T với giá 23.000.000 đồng và muốn chuộc xe trên ra để bán lại cho L. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/01/2021, LĐphòng trọ gặp N hỏi chuyện mua bán xe trên. Sau đó, N hỏi mượn anh L 01 xe mô tô và 01 điện thoại hiệu Iphone X nói đi chuộc xe về bán cho L, nên anh L đồng ý.Đ18 giờ 30 phút cùng ngày, N đem xe và điện thoại về trả cho anh L. Anh L nghi ngờ N lấy tiền trong tài khoản của anh L nên kiểm tra thì phát hiện bị mất 23.000.000 đồng trong tài khoản ATM, kiểm tra lịch sử giao dịch thì phát hiện vào khoảng thời gian N mượn điện thoại của anh L thì N đã vào ứng dụng điện tử ví momo của anh L chuyển toàn bộ số tiền 23.000.000 đồng từ tài khoản Sacombank của LĐtài khoản của N và các tài khoản khác, nên anh LĐcông an tố cáo hành vi của N.

Vật chứng:

01 xe mô tô Honda SH 150I biển số 59P1-89964 của chị Nguyễn Thị Hồng C, không thu hồi được; 01 xe mô tô Honda SH 150I biển số 59M1-208.54, của chị Lê Hoàng O, không thu hồi được; Số tiền 23.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L, không thu hồi được.

01 xe mô tô Suzuki biển số 86B8-503.00 do chị Võ Thị Phương T giao nộp. Qua xác minh do anh Lê Phước Đ đứng tên chủ sở hữu. Anh Đ cầm xe trên cho anh Nguyễn Văn T (là anh vợ của N) với giá 14.000.000 đồng, nhưng do không có tiền chuộc lại nên anh Đ thanh lý xe trên cho anh T. Anh Nguyễn Văn T giao xe cho N sử dụng để đi lại.

01 điện thoại Iphone 5 và 01 điện thoại di động Nokia thu giữ của Bùi Văn N.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) kết luận: 01 xe mô tô Honda SH 150I biển số 59M1-208.54 có giá trị là 165.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda SH 150I biển số 59P1-899.64 có trị giá là 120.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị Hồng C yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; Chị Lê Hoàng O yêu cầu bồi

thường số tiền 50.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn L yêu cầu bồi thường số tiền 23.000.000 đồng; Chị Võ Thị Phương T yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 251/CT-VKSTPTĐ ngày 07/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố Bùi Văn N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 và điểm c khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Văn N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 55; khoản 3 Điều 175; điểm c khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn N mức án từ 08 năm 06 tháng – 09 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 01 năm 06 tháng - 02 năm tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt từ 10 năm - 11 năm tù; Về bồi thường thiệt hại: Chị Nguyễn Thị Hồng C yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; Chị Lê Hoàng O yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn L yêu cầu bồi thường số tiền 23.000.000 đồng; Chị Võ Thị Phương T yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; Về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo ban đầu không khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng, nhưng sau đó đã thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa; Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn N khai nhận ngày 04/3/2020 và ngày 12/3/2020, lợi dụng lòng tin của bị hại Nguyễn Thị Hồng C, Lê Hoàng O cho Bùi Văn N mượn xe mô tô Honda SH 150i biển số 59P1-899.64 và xe mô ô

Honda SH 150i biển số 59M1-208.54, có giá tổng trị giá là 285.000.000 đồng, sau đó Nkhông trả mà đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài hết. Ngày 15/01/2021, Bùi Văn N có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiến 23.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L thông qua ví điện tử momo. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích muốn thỏa mãn động cơ cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên vẫn cố tình phạm tội với lỗi cố ý. Xét lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

[3] Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo Bùi Văn N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và gây mất trật tự, an toàn xã hội cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật vì vậy, có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Cần buộc bị cáo bồi thường cho: Nguyễn Thị Hồng C số tiền 50.000.000 đồng; Lê Hoàng O số tiền 50.000.000 đồng; Nguyễn Văn L số tiền 23.000.000 đồng; Võ Thị Phương T số tiền 20.000.000 đồng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Suzuki biển số 86B8-503.00 xét không liên quan đến vụ án cần trả lại cho Nguyễn Văn T quản lý sử dụng, trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 01 điện thoại Iphone 5 màu đen và 01 điện thoại di động thu giữ của Bùi Văn N xét đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với Lương Tú B và Hoàng Văn T là người đã cầm 02 xe mô tô cho Bùi Văn N. Khi cầm xe B, T không biết xe trên do N phạm tội mà có, do đó công an thành phố Thủ Đức không có căn cứ xử lý hình sự là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự

sơ thẩm và 7.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm c khoản 1 Điều 290; khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn N 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và 01 (Năm) 06 (Sáu) tháng tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản"; Tổng hợp hình phạt buộc Bùi Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2021.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc Bùi Văn N bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng C số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; Lê Hoàng O số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; Nguyễn Văn L số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng; Võ Thị Phương T số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3. Áp dụng Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 5 màu đen và 01 điện thoại di động Nokia 210 màu đen.

Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 xe mô tô Suzuki Raider, biển số 86B8-503.00, số khung: 11ANJV117312, số máy: CGA1517057.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 38/22L ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức)

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.150.000 (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Trại giam và bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thái Bình